

Bản án số: 87/2021/DS-PT

Ngày: 25-10-2021.

Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền trên đất và bồi
thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLPT-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2021, về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2020/DS-ST, ngày 17-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1936. Địa chỉ: ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông B, sinh năm 1968, theo văn bản ủy quyền ngày 28-9-2020 (có mặt).

Địa chỉ: đường D, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông C, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà D, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông E, tên gọi khác: F, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ 1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Số 1, xã Đại Hải, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà NLQ 2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Mang Cá, xã Đại Hải, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3. Bà NLQ 3, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Số 1, xã Đại Hải, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông NLQ 4, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Bà NLQ 5, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Ông NLQ 6, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

7. Bà NLQ 7, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Kinh Ngây, xã Đại Hải, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Ông B, sinh năm 1968. Địa chỉ: đường D, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

9. Bà NLQ 9, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

10. Bà NLQ 10, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

11. Ông NLQ 11, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ 1, bà NLQ 2, bà NLQ 3, ông NLQ 4, bà NLQ 5, ông NLQ 6, bà NLQ 7, bà NLQ 9, bà NLQ 10, ông NLQ 11: Ông B, sinh năm 1968, theo văn bản ủy quyền ngày 03-12-2020. Địa chỉ: đường D, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người kháng cáo: Các bị đơn ông C, bà D, ông E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-11-2020 của nguyên đơn bà A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông B là người đại diện theo ủy quyền của bà A trình bày: Bà A có sử dụng ổn định phần đất diện tích 245,7m² (đã hiến cho Nhà nước làm lộ nhựa 92,1m², còn lại 153,6m²) và 01 cái cống thoát nước có diện tích khoảng 100m² tại thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng từ ngày giải phóng cho đến nay, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 2016, giữa gia đình của bà A và gia đình ông V (ông V là anh của ông C, đất của ông V nhưng cho ông C trực tiếp sử dụng) có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất, sự việc đã được Tòa án hai cấp xét xử bằng Bản

án số 19/2016/DS-ST ngày 15/3/2016 của TAND huyện K, tỉnh Sóc Trăng và Bản án số 204/2016/DS-PT ngày 29/9/2016 của TAND tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông V về việc buộc bà A trả lại phần đất diện tích 28,9m² và không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc bà A trả lại phần đất diện tích 153,6m² đất thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (là phần đất tranh chấp trong vụ án hiện nay). Trong vụ án trước đây Tòa án hai cấp chỉ đo đạc phần đất bằng phương pháp thủ công (kéo thước dây đo tay), khi đó ông C là người đại diện hợp pháp của ông V và ông B là người đại diện hợp pháp của bà A.

Sau đó, ông C và vợ là bà D cùng con là ông F vào bao chiếm phần đất diện tích 153,6m² và chiếm thêm mương thoát nước của bà A có đặt ống cống bằng bê tông đường kính 80cm giáp với phần đất nêu trên, diện tích khoảng 100m² (chiều ngang trước 03m, chiều ngang sau 02m, chiều dài 40m) tại thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Mương thoát nước có nguồn gốc của ông G (chồng bà A) có đặt 01 cái ống cống nằm dưới con lộ cũ giáp đê và quản lý, sử dụng để dẫn nước tưới tiêu, thu hoạch tôm cá... quá trình sử dụng có cho các hộ ông C, bà K, bà NLQ 9 đến sử dụng chung, một số người làm chứng cũng biết rõ nguồn gốc là của ông G. Các phần đất của ông G, ông X, ông Z (con dâu là bà M), bà K trước đây đều có nguồn gốc của ông bà để lại, trong đó đối với thửa đất số 363 ông G có một lóp đất chiều ngang khoảng 2 mét tính từ mí con lộ cũ chạy dài ra tới lộ nhựa nằm giáp với mương thoát nước, cách đây khoảng trên 10 năm ông G có cho gia đình ông C cái lóp đất để đất của ông C mở rộng ra giáp với mương thoát nước để lấy nước sử dụng sinh hoạt, còn mương thoát nước thì vẫn thuộc quyền sử dụng của ông G. Việc cho đất này chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ gì.

Ngày 05-7-2020, ông C và bà D kêu người bán cây tràm bông vàng trên đất với giá tiền 10.000.000đồng và người mua đã đôn hạ xuống. Đến ngày 09-7-2020, ông E chặt phá một số cây trồng trên đất gồm 02 cây dừa dứa trồng được 18 tháng trị giá 1.000.000đồng/cây và 05 cây chuối trồng được 06 tháng trị giá 100.000đồng/cây. Trong cả hai lần bà A đều hay tin và đều có báo với chính quyền địa phương đến lập biên bản giữ nguyên hiện trạng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-11-2020, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông C, bà D và ông E giao trả lại cho bà A phần đất diện tích 153,6m², tại thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; đất có tứ cận hướng đông giáp mương thoát nước số đo 8,3m; hướng tây giáp đất ông NLQ 11 số đo 12,2m; hướng nam giáp lề lộ nhựa số đo 15,35m; hướng bắc giáp đất ông C số đo 14,48m.

2. Buộc ông C, bà D và ông E giao trả lại cho bà A mương thoát nước có đặt ống cống bằng bê tông đường kính 80cm giáp với phần đất nêu trên, diện tích khoảng 100m² (chiều ngang trước 03m, chiều ngang sau 02m, chiều dài 40m) tại thửa đất số 363 nêu trên.

3. Buộc ông C, bà D và ông E bồi thường thiệt hại cho bà A các cây trồng bị chặt phá và đôn hạ với số tiền 12.500.000đồng, trong đó 01 cây tràm bông vàng trị giá 10.000.000đồng, 02 cây₃ dừa dứa trị giá 2.000.000đồng và 05

cây chuối trị giá 500.000đồng.

Tại đơn yêu cầu (về rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu khởi kiện) đề ngày 11/5/2021 (do ông B là người đại diện hợp pháp) rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với nương thoát nước nêu trên, đối với phần nội dung yêu cầu khởi kiện còn lại thì vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Buộc ông C, bà D và ông E giao trả lại cho bà A phần đất diện tích 167,7m², hiện trạng là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; đất có số đo, tứ cận theo kết quả đo đạc thực tế vào ngày 23-12-2020.

2. Buộc ông C, bà D và ông E bồi thường thiệt hại cho bà A giá trị các cây trồng bị chặt phá và đốn hạ với tổng số tiền là 4.570.000đồng (trong đó 01 cây tràm bông vàng trị giá 4.000.000đồng/cây, 02 cây dừa dứa trị giá 210.000đồng/cây và 05 cây chuối trị giá 30.000đồng/cây); giá trị cây trồng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản vào ngày 23-12-2020.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của các bị đơn ông C và bà D trình bày: Thửa đất số 363 diện tích 730m² do ông V (là anh ông C) đứng tên, có nguồn gốc là của cha mẹ ông V và ông C cho. Thửa đất số 363 của ông V giáp ranh với thửa đất số 358 diện tích 2.000m² của ông G (chồng của bà A). Vào năm 1992 - 1993 khi đoàn đo đạc của trung ương xuống thì hai bên đã thống nhất và có ranh rõ ràng. Thửa đất số 363 của ông V cũng giáp ranh với thửa đất số 364 của ông Z, giữa hai thửa đất có cống dẫn nước và có ranh.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn cả gia đình ông V đi làm ăn xa không có điều kiện canh tác nên đã giao đất lại cho ông C và vợ là bà D tạm quản lý. Khi ông G còn sống thì hai bên gia đình không có tranh chấp gì với nhau, ông G còn chỉ ranh đất cho ông NLQ 11. Đến năm 2008 sau khi ông G chết thì phía bà A tranh chấp với gia đình ông C để đòi lại đất và không cho đoàn đo đạc của trung ương đo. Đoàn đo đạc mới kêu ông C đi đăng ký quyền sử dụng nhưng do thiếu diện tích nên ông C không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa đất số 358 đo ra thửa diện tích tới 1.126m². Sau đó ông C làm đơn gửi địa phương thì được địa phương giải quyết tạm lấy cọc mé nhà sau đo ra lộ đal được diện tích 565,12m², do còn thiếu nên phía bà A kêu đo ra mé sông phía trước cho đủ diện tích 730m², trong khi mé sông do ông C sử dụng nhưng Nhà nước không có cấp quyền sử dụng cho ông C, phía bà A cũng không cho đo phía sau nhằm mục đích để lấy mặt tiền đất của ông C. Sau đó, phía bà A rào đất lại không cho gia đình ông C đi, nhưng sau khi được ban nhân dân ấp động viên thì phía bà A cũng đồng ý nhỏ bỏ hàng rào. Sự việc tranh chấp giữa hai bên sau đó đã được TAND huyện K, tỉnh Sóc Trăng và TAND tỉnh Sóc Trăng giải quyết, theo hướng trả cho ông C phần đất ở hướng Tây có số đo 3,1 mét, ở hướng Đông có số đo 0,9 mét tức là lấy phần đất ở mé sông Z ông C để cộng cho đủ diện tích 730m² để lấy phần đất trên lộ giao giành lại cho phía bà A. Do không Đồng ý với nội dung của 02 bản án nên ông C có gửi đơn đến TAND cấp cao 02 lần nhưng đến nay không thấy trả lời. Hiện nay, phần đất tranh chấp chỉ có ông C,

bà D và ông E quản lý, sử dụng, ngoài ra không còn ai khác quản lý, sử dụng.

Như vậy, thửa đất số 363 do ông V đứng tên, không liên quan gì đến phía bà A. Phần đất tranh chấp nằm phía trong lộ nhựa, còn phần đất nằm phía ngoài lộ nhựa vẫn còn một phần thuộc thửa đất số 363 theo tờ bản đồ số 06 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K. Do đó, việc phía bà A tranh chấp với ông C thửa đất số 363 là không có căn cứ. Vì trên phần đất tranh chấp tại thửa số 363 có 01 cây tràm bông vàng quá cao, do lo sợ khi có gió cây sẽ ngã đổ vào nhà nên gia đình ông C muốn người đến chặt, hiện nay xác cây vẫn còn nằm trên đất. Do phần đất còn tranh chấp và nằm trong thửa đất số 363 mà phía bà A trồng dừa, trồng chuối nên gia đình ông C chặt hết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì ông C và bà D có ý kiến như sau:

- Ông C và bà D không Đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà A, vì đất là của gia đình ông bà.

- Ông C và bà D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A đối với nương thoát nước, vì hiện nay nương thoát nước không chỉ có riêng gia đình ông bà sử dụng mà do nhiều hộ dân cùng sử dụng chung; gia đình ông bà không có ngăn cản gia đình bà A sử dụng nương thoát nước này, cũng không có tháo dỡ, lấn chiếm cống thoát nước và nương thoát nước này; trường hợp gia đình bà A cải tạo, nạo vét nương thoát nước này mà không làm sạt lở đất của gia đình ông bà thì gia đình ông bà cũng đồng ý, không ngăn cản.

- Về các cây trồng trên đất đã bị chặt thì trường hợp Tòa án xác định phần đất tranh chấp là của bà A thì ông bà đồng ý bồi thường, ngược lại nếu Tòa án xác định phần đất tranh chấp là của ông bà thì ông bà không Đồng ý bồi thường.

Ông C, bà D thống nhất với kết quả đo đạc thực tế và thẩm định, định giá phần đất, nương thoát nước và các cây trồng vào ngày 23-12-2020. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc gia đình ông bà trả lại phần đất tranh chấp cho bà A thì ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết mở cho gia đình ông bà một lối đi trên phần đất tranh chấp để đi ra lộ nhựa vì hiện nay gia đình ông bà không có lối đi nào khác.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông E (F) trình bày: ông E là con của ông C, bà D, ông thống nhất với lời trình bày của ông C và bà D.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5, NLQ 6, NLQ 7, NLQ 9, NLQ 10, NLQ 11 (do ông B là người đại diện hợp pháp) trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST, ngày 17-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 6 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 1 và khoản 4 Điều 157, khoản 1 và khoản 4 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 192,

khoản 1 Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 26, 166 và 170 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 163, 164, 166, 179, 180, 182, 183, 184, 185, 254, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông C, bà D, ông E (F) giao trả lại đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng.

1.1. Buộc ông C, bà D, ông E (F) phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà A phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 152,7m² đất, hiện trạng là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo, các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tuyên mở lối đi (phần còn lại của thửa đất số 363) số đo 10,67 mét;
- Hướng Tây giáp đất ông G (thửa đất số 358, do bà A đang quản lý, sử dụng) số đo 16,5 mét;
- Hướng Nam giáp lề lộ nhựa số đo 13,21 mét;
- Hướng Bắc giáp đất ông V (phần còn lại của thửa đất số 363, do ông C đang quản lý, sử dụng) số đo 13,19 mét.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc đồng ý mở cho ông C, bà D, ông E (F) một lối đi có chiều ngang 1,5 mét, có vị trí giáp mương thoát nước.

Mở cho ông C, bà D, ông E (F) một lối đi có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 15m², hiện trạng là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo, các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp mương thoát nước số đo 11,26 mét;
- Hướng Tây giáp phần đất tuyên buộc trả (phần còn lại của thửa đất số 363) số đo 10,67 mét;
- Hướng Nam giáp lề lộ nhựa số đo 1,5 mét;
- Hướng Bắc giáp đất ông V (phần còn lại của thửa đất số 363, do ông C đang quản lý, sử dụng) số đo 1,5 mét.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

1.3. Buộc ông C, bà D, ông E (F) phải cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà A giá trị của 01 cây trăm bông vàng, 02 cây dừa dứa và 05 cây

chuối với tổng số tiền là 4.570.000đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà A đối với các khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông C, bà D, ông E (F) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông C, bà D, ông E (F) giao trả lại cho bà A mảnh thoát nước có đặt ống cống bằng bê tông đường kính 80cm giáp với phần đất nêu trên, diện tích khoảng 100m² (chiều ngang trước 03 mét, chiều ngang sau 02 mét, chiều dài 40 mét) tại thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí sơ thẩm: Bà A không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông C, bà D, ông E (F) phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng).

4. Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản:

- Bà A phải chịu là 4.475.000đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà A (do ông B nộp thay) đã nộp là 4.475.000đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng), như vậy, bà A đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí này.

- Ông C, bà D, ông E (F) phải cùng chịu là 4.475.000đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà A số tiền này do bà A đã nộp tạm ứng trước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-6-2021 các bị đơn ông C, bà D, ông E làm đơn kháng cáo có cùng nội dung là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn giao trả lại đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng; các bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 23-12-2020 và sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành đo vẽ ngày 23-12-2020 thì thửa đất số 363 có vị trí chạy dài từ giáp kênh Rạch Vọp ở hướng Bắc đến giáp thửa đất số 362 của ông G ở hướng Nam, thửa đất này bao gồm 03 phần được chia cắt với nhau bởi 01 đường đal và 01 lộ nhựa gồm:

- Phần đất phía trong giáp kênh Rạch Vọp ở hướng Bắc và giáp đường đal ở hướng Nam: Đây là phần đất các bên không có tranh chấp trong vụ án này có diện tích $199,9\text{m}^2 + 109,9\text{m}^2$ (bờ đê đường đal).

- Phần đất ở giữa giáp đường đal ở hướng Bắc và giáp lộ nhựa ở hướng Nam: Trong phần đất này có 01 phần đất do gia đình ông C đang quản lý, sử dụng các bên không có tranh chấp trong vụ án này có diện tích $552,2\text{m}^2 + 28,9\text{m}^2$ (vị trí từ giáp đường đal ở hướng Bắc đến giáp điểm cách trụ đá cắm tại cạnh đất ở hướng Đông số đo 0,9m và giáp điểm cách trụ đá cắm tại cạnh đất ở hướng Tây số đo 3,1m (trong đó có phần đất diện tích $28,9\text{m}^2$ mà ông V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo 02 bản án trước đây). Phần đất còn lại là phần đất các bên tranh chấp trong vụ án này có vị trí tiếp giáp với phần đất do gia đình ông C đang quản lý, sử dụng trở về hướng Nam giáp lộ nhựa. Việc xác định diện tích của phần đất tranh chấp trong quá trình giải quyết vụ án trước đây cũng như trong quá trình giải quyết vụ án hiện nay đều lấy căn cứ từ điểm cách 02 trụ đá cắm tại 02 cạnh đất hướng Đông và hướng Tây tương ứng số đo là 0,9m và 3,1m như đã nêu trên đo ra đến giáp lề lộ nhựa (các đương sự đều thừa nhận 02 trụ đá vẫn giữ nguyên vị trí như trước đây) có diện tích $167,7\text{m}^2$, như vậy phần đất này là một phần của thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các bên đương sự đều thống nhất có số đo cụ thể như sau: Hướng Đông giáp mương thoát nước số đo 11,26m; Hướng Tây giáp đất ông G là chồng của bà A (thửa đất số 358) số đo 16,5m; Hướng Nam giáp lề lộ nhựa có số đo 14,71m; Hướng Bắc giáp đất ông V (phần còn lại của thửa đất số 363) số đo 14,69m.

- Phần đất phía ngoài giáp lộ nhựa ở hướng Bắc và giáp thửa đất số 362 của ông G ở hướng Nam: Đây là phần đất các bên không có tranh chấp trong

vụ án này có diện tích 95,1m² nhưng có 02 cây dừa dứa và 05 cây chuối mà bà A yêu cầu bồi thường thiệt hại được trồng trên phần đất này.

[2.2] Tại phiên tòa các bị đơn cho rằng thửa đất số 363 là của ông V (là anh ruột của ông C), do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cả gia đình ông V đi làm ăn xa và đã giao đất lại cho vợ chồng ông C, bà D tạm quản lý sử dụng. Vì nguồn gốc đất của ông V là của cha mẹ cho có diện tích là 730m², năm 2008 sau khi ông G (chồng của bà A) chết thì phía bà A tranh chấp với ông V, nhưng sau đó ông V là người đứng đơn khởi kiện, sự việc đã được giải quyết tại Bản án số 19/2016/DS-ST ngày 15/3/2016 của TAND huyện K và Bản án phúc thẩm số 204/2016/DS-PT ngày 29/9/2016 của TAND tỉnh Sóc Trăng, quyết định của bản án phúc thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà A trả diện tích 28,9m², không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc buộc bà A trả diện tích 153,6m², nhưng ông V không Đồng ý đối với phần không được chấp nhận và đã có đơn khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm chưa được xem xét, do vậy các bị đơn cho rằng phần diện tích tranh chấp trước đây ngoài diện tích 28,9m² thì diện tích còn lại 153,6m² vẫn là của ông V, các bị đơn không Đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

[2.3] Nhận thấy, theo như quyết định của bản án phúc thẩm trước đây thì phần diện tích 153,6m² ông V yêu cầu bà A trả lại cho ông không được chấp nhận. Sau khi quyết định của bản án phúc thẩm có hiệu lực thì phía bà A cũng vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích đất này, nên có căn cứ xác định phần diện tích đất này phía bà A quản lý, sử dụng liên tục trong một thời gian dài nên được xem là người chiếm hữu ngay tình, công khai, liên tục và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại các Điều 179, 180, 182, 183, 184 và 185 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặt khác, tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 1203/TB-DS ngày 21/10/2019 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo về việc không kháng nghị giám đốc thẩm số 3353/TB-VKS-DS ngày 03/11/2017 của VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đều xác định không có căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 204/2016/DS-PT ngày 29/9/2016 của TAND tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án trước đây ông C là em ruột của ông V đã tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông V. Ông C, bà D cùng ông E đã ở trên đất của ông V tại thửa 363 từ trước thời điểm ông V và bà A phát sinh tranh chấp, nên biết rõ các tình tiết của vụ án cũng như nội dung phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cũng như biết rõ việc bà A quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có các cây trồng thuộc quyền sở hữu của bà A nhưng đã tự ý vào bao chiếm sử dụng và chặt bỏ 01 cây tràm bông vàng, 02 cây dừa dứa và 05 cây chuối trên đất là xâm phạm đến quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà A. Từ đó, việc bà A yêu cầu ông C, bà D và ông E giao trả lại phần đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại về các cây trồng này là có căn cứ.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của các bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông C có cha là liệt sĩ nên thuộc trường hợp nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của các các bị đơn

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST, ngày 17-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Tuyên xử:

1.1. Buộc ông C, bà D, ông E (F) phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà A phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 152,7m², hiện trạng là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 363, như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tuyên mở lối đi (phần còn lại của thửa đất số 363) số đo 10,67m;

- Hướng Tây giáp đất ông G (thửa đất số 358, do bà A đang quản lý, sử dụng) số đo 16,5m;

- Hướng Nam giáp lề lộ nhựa có số đo 13,21m;

- Hướng Bắc giáp đất ông V (phần còn lại của thửa đất số 363, do ông C đang quản lý, sử dụng) số đo 13,19m;

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc đồng ý mở cho ông C, bà D, ông E (F) một lối đi có chiều ngang 1,5m, có vị trí giáp mương thoát nước.

Mở cho ông C, bà D, ông E (F) một lối đi có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 15m², hiện trạng là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; phần đất có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp mương thoát nước có số đo 11,26m;

- Hướng Tây giáp phần đất tuyên buộc trả (phần còn lại của thửa đất số 363) có số đo 10,67m;
- Hướng Nam giáp lề lộ nhựa có số đo 1,5m;
- Hướng Bắc giáp đất ông V (phần còn lại của thửa đất số 363, do ông C đang quản lý, sử dụng) có số đo 1,5m;

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

1.3. Buộc ông C, bà D, ông E (F) phải cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà A giá trị của 01 cây tràm bông vàng, 02 cây dừa dứa và 05 cây chuối với tổng số tiền là 4.570.000đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà A đối với các khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông C, bà D, ông E (F) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông C, bà D, ông E (F) giao trả lại cho bà A mương thoát nước có đặt ống cống bằng bê tông đường kính 80cm giáp với phần đất nêu trên, diện tích khoảng 100m² (chiều ngang trước 03m, chiều ngang sau 02m, chiều dài 40m) tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông C được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Các bị đơn bà D, ông E mỗi người phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0009980, 0009981 ngày 29-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tổ Hương